TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2017/QĐST-HNGĐ	*Mộ Đức, ngày 02 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 117/2017/TLST/HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Trường N.

Địa chỉ: Khu dân cư số 0, thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trường N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trường N tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2 Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 03/11/2002 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Trường N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0000869, ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2016/0000869, ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

+ Anh Phạm Trường N phải chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đàm Quang Hiệp